

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: ông Ngô Thanh Sử – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 618/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thanh N** – sinh ngày 04/6/1999

Địa chỉ: **Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: anh **Phạm Văn G** – sinh năm: 1994

Địa chỉ: **Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**

*(Chị **N** có yêu cầu vắng mặt, anh **H** vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh N trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:*

Về hôn nhân: chị N và anh G sống chung vợ chồng với nhau vào khoảng năm 2015, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã G ngày 11/9/2020. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh G có phát sinh nhiều mâu thuẫn đã ly thân nhiều lần và lần mâu thuẫn gần nhất đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được là hơn 03 năm. Nay, chị N thấy cuộc sống chung vợ chồng với anh G không thể kéo dài, chị N yêu cầu ly hôn và không có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: có hai người con chung tên Phạm Thanh N1 – sinh ngày 28/4/2016 và Phạm Kiều A – sinh ngày 28/02/2020, cháu A hiện nay do chị N nuôi dưỡng, cháu N1 hiện do anh G nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N đồng ý để cháu N1 cho anh G nuôi dưỡng và chị N có yêu cầu nuôi dưỡng cháu A và không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản: chị N xác định giữa chị N và anh G không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Văn G đã được Tòa án triệu tập để hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến.*

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố dân sự; Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập để hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh G là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố dân sự năm 2015; Các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh N có yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn G.

2. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh N tiếp tục giao cháu Phạm Kiều A – sinh ngày 28/02/2020 cho chị N và giao cháu Phạm Thanh N1 – sinh ngày 28/4/2016 cho anh Phạm Văn G được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do chị N không có yêu cầu nên anh G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kiều A. Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thanh N1, do anh G vắng mặt nên khi anh G có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3. Về tài sản: do chị N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thanh N có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Phạm Văn G. Anh G có địa chỉ tại ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2] Về tố tụng: Do anh G đã được Tòa án triệu tập để xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh G theo quy định.

3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị **N** và anh **G** sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2015, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã **P**, thị xã **G** ngày 11/9/2020. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị **N** và anh **G** có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhiều lần và lần gần nhất là hơn 03 năm. Trong thời gian ly thân mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay, chị **N** có yêu cầu được ly hôn và không có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân. Anh **G** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải, xét xử thông qua gia đình của anh **G** nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị **N**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đời sống chung vợ chồng phải xuất phát từ tình cảm yêu thương giữa các bên, sự quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng giữa chị **N** và anh **G** có nhiều mâu thuẫn mà hai bên không thể hàn gắn được từ đó mà không sống chung vợ chồng hơn 01 năm. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành triệu tập anh **G** để tiếp tục hòa giải hàn gắn hôn nhân nhưng anh **G** vắng mặt không có lý do. Bên cạnh đó, theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị **N** và anh **G** xác định: giữa chị **N** và anh **G** đã không còn sống chung vợ chồng hơn 03 năm. Thấy rằng đời sống chung vợ chồng giữa chị **N** và anh **G** đã mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn và Gia chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thanh N** có yêu cầu xin ly hôn với anh **Phạm Văn G**.

Về con chung: có hai người con chung tên **Phạm Thanh N1** – sinh ngày 28/4/2016 và **Phạm Kiều A** – sinh ngày 28/02/2020, cháu **A** hiện nay do chị **N** nuôi dưỡng, cháu **N1** hiện do anh **G** nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị **N** đồng ý để cháu **N1** cho anh **G** nuôi dưỡng và chị **N** có yêu cầu nuôi dưỡng cháu **A** và không ai phải cấp dưỡng. Thấy rằng, cháu **N1** và cháu **A** đã sống chung với chị **N** và anh **G** ổn định từ khi ly thân cho đến nay, nên việc tiếp giao cháu **A** cho chị **N** và cháu **N1** cho anh **G** được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị **N** không có yêu cầu nên anh **G** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **Phạm Kiều A**.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu **Phạm Thanh N1**: Do anh **G** vắng mặt nên khi nào anh **G** có yêu cầu cấp dưỡng sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về tài sản: Do chị **N** không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4] Về án phí hôn sơ thẩm: chị **Nguyễn Thanh N** có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000 đồng.

Xét quan điểm cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thanh N** và anh **Phạm Văn G**.

2] Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thanh N**. Tiếp tục giao cháu **Phạm Kiều A** – sinh ngày 28/02/2020 cho chị **N** và giao cháu **Phạm Thanh N1** – sinh ngày 28/4/2016 cho anh **Phạm Văn G** được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do chị **N** không có yêu cầu nên anh **G** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **Phạm Kiều A**. Đối với việc cấp dưỡng nuôi cháu **Phạm Thanh N1**, do anh **G** vắng mặt nên khi anh **G** có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

3] Về tài sản: Do chị **N** không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4] Về án phí: chị **Nguyễn Thanh N** có nghĩa vụ chịu tiền án phí là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. chị **N** đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008302 ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại **C** Cục hành án dân sự thị trấn Giá Rai sẽ được chuyển thu án phí. Anh **Phạm Văn G** không phải chịu án phí.

5] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc K